



**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2025/CBTT-HĐQT

Gia Lai, ngày 04 tháng 04 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán nhà nước;
Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam;
Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. ✓

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

Mã chứng khoán: S4A

Địa chỉ trụ sở chính: 650 Lê Duẩn, TP Pleiku, tỉnh Gia Lai

Điện thoại: 02693 756096

Fax: 02693 756097

Email: ss4agialai@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố:

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn “www.sesan4a.com.vn - mục quan hệ cổ đông”.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT.HĐQT (báo cáo)
- Lưu: VT, P.KT

Tài liệu gửi kèm:

Tài liệu ĐHĐCĐ thường niên
năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Chữ ký, họ tên, đóng dấu)



**CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Bình**



THÔNG BÁO MỜI HỌP

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Thủy điện Sê San 4A.

Công ty cổ phần thủy điện Sê San 4A trân trọng thông báo và kính mời Quý cổ đông đến tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

- Địa chỉ : 650 Lê Duẩn, Phường Thắng Lợi, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- Điện thoại : 0269 3756096; 0269 3756095
- Website : www.sesan4a.com.vn
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900413305 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 15/05/2007.

2. Thời gian, địa điểm tổ chức:

- Thời gian tổ chức: 8h30' ngày 25/04/2025.
- Địa điểm tổ chức: KS Mường Thanh Gia Lai số 537 đường Hùng vương, Pleiku, Gia Lai

3. Thành phần tham dự: Tất cả các Cổ đông có tên trong danh sách sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A được chốt tại ngày 20 tháng 03 năm 2025 hoặc những cá nhân, tổ chức được ủy quyền hợp lệ có quyền tham dự Đại hội.

4. Nội dung Đại hội: Thảo luận và thông qua các nội dung sau:

4.1. Các báo cáo trình Đại hội:

- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024, kế hoạch sản xuất kinh doanh 2025 và kết quả hoạt động của HĐQT năm 2024, mục tiêu kế hoạch hoạt động năm 2025.
- Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán;
- Báo cáo giám sát thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát năm 2024 kế hoạch năm 2025.

4.2. Tờ trình thông qua các nội dung do HĐQT trình tại Đại hội:

- Các báo cáo trình đại hội;
- Phân phối lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch lợi nhuận năm 2025;
- Quyết toán thu nhập của HĐQT và BKS năm 2024 và kế hoạch năm 2025;
- Một số nội dung khác liên quan thuộc thẩm quyền Đại hội đồng Cổ đông.

5. Tài liệu đại hội: Các nội dung, chương trình, tài liệu Đại hội được đăng tải tại trang web của Công ty: www.sesan4a.com.vn, kể từ ngày 04/04/2025.

6. Thủ tục tham dự đại hội:

- Cổ đông là cá nhân: Khi đến tham dự Đại hội vui lòng mang theo thư mời, giấy xác nhận tham dự hoặc ủy quyền (trong trường hợp được ủy quyền), giấy tờ tùy thân.
- Cổ đông là pháp nhân: Khi đến tham dự Đại hội vui lòng mang theo thư mời và giấy xác nhận ủy quyền để Công ty đối chiếu danh sách Cổ đông.

7. Thông tin liên hệ: Để tiện việc sắp xếp, tổ chức và đón tiếp, xin quý Cổ đông vui lòng xác nhận tham dự Đại hội qua điện thoại, email, gửi thư hoặc fax giấy xác nhận/ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ trước 11h00 ngày 24 tháng 04 năm 2025 theo địa chỉ nêu trên. Điện thoại: 02693756096; Email: ss4agialai@gmail.com. Nếu quá thời hạn trên mà Công ty không nhận được phản hồi thì xem như quý Cổ đông không tham dự và nhất trí với các nội dung của Đại hội. Mọi chi phí ăn, ở, đi lại và các chi phí khác do Cổ đông tự chi trả.

Trân trọng kính mời!

Gửi đính kèm:

Mẫu giấy xác nhận/ủy quyền.

Gia Lai, ngày 21 tháng 03 năm 2025

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Bình



SHJC

**GIẤY ĐĂNG KÝ THAM DỰ/ ỦY QUYỀN THAM DỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A**

1. Thông tin cổ đông:

Cổ đông :

Địa chỉ :

Số CCCD/HC/GCNĐKDN:.....

Số cổ phần sở hữu:.....

2. Xác nhận tham dự hoặc ủy quyền tham dự:

Căn cứ Thông báo mời họp của Hội đồng quản trị (HĐQT), tôi xác nhận việc tham dự Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A như sau:

a. Trực tiếp tham dự Đại hội: ☐

b. Ủy quyền tham dự và thực hiện các quyền của Cổ đông tại Đại hội như sau:

☐ Ủy quyền cho Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A theo danh sách sau:

Stt	Người nhận ủy quyền	Chức danh	Đồng ý (✓)
1	Ông Nguyễn Bình	Chủ tịch HĐQT	
2	Ông Phạm Văn Minh	Thành viên HĐQT - TV Độc lập	
3	Ông Nguyễn Kiêm	Thành viên HĐQT	
4	Ông Thái Như Hiệp	Thành viên HĐQT	
5	Ông Phan Văn Lân	Thành viên HĐQT - TV Độc lập	
6	Ông Nguyễn An	Thành viên HĐQT kiêm TGD	

Số cổ phần Ủy quyền:

☐ Ủy quyền cho người khác:

Người được ủy quyền:.....Mã số cổ đông (nếu có):.....

Số CCCD/HC/GCNĐKDN:.....

Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Số cổ phần Ủy quyền: Điện thoại:.....

Bên ủy quyền hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và Điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A.

....., ngày.....tháng.....năm 2025

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(ký, ghi rõ họ tên)

CỔ ĐÔNG
(ký, ghi rõ họ tên – Đóng dấu nếu là tổ chức)



Ghi chú:

- Nếu Quý Cổ đông không trực tiếp tham dự và muốn ủy quyền tham dự có thể lựa chọn một trong 2 cách sau:

➤ **Cách 1:** Nếu ủy quyền cho thành viên HĐQT tại mục 2b thì đánh dấu (✓) hoặc (x) vào cột “Đồng ý” với thành viên HĐQT đó (không cần điền chi tiết **Phần “Ủy quyền cho người khác”**). Sau đó ký vào **Phần “CỔ ĐÔNG”**, có thể thiếu chữ ký **Phần “NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN”**.

➤ **Cách 2:** Nếu ủy quyền cho người khác tham dự, đề nghị đánh dấu vào ô ủy quyền tương ứng và điền đầy đủ thông tin về người được ủy quyền tại mục 2b – “Ủy quyền cho người khác” và ký vào **Phần “CỔ ĐÔNG”**, người được ủy quyền ký vào **Phần “NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN”**.

- Khi đến dự Đại hội, đề nghị Quý Cổ đông mang theo CCCD hoặc Hộ chiếu và Giấy tham dự/ Ủy quyền gốc hợp lệ (Chữ ký tươi, có dấu đỏ *(đối với doanh nghiệp)* hoặc Giấy ủy quyền có công chứng/chứng thực) để làm thủ tục đăng ký tham dự Đại hội.

- Trường hợp Quý Cổ đông thay đổi thông tin CCCD nhưng chưa cập nhật, vui lòng mang theo CCCD/CMND cũ (hoặc đã bị cắt góc) hoặc Giấy xác nhận số CCCD do cơ quan Công an cấp.

(Văn bản này là một phần nội dung của Thông báo mời dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2025)



CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

STT	Thời gian	Nội dung	Chủ trì
1	8h00-8h30	- Đón tiếp Đại biểu, cổ đông. Kiểm tra tư cách cổ đông, phát tài liệu cho cổ đông;	Ban Tổ chức
2	8h30-9h00	- Giới thiệu Đại biểu tham dự Đại hội; - Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông, đọc biên bản kiểm tra, tuyên bố đủ điều kiện tiến hành Đại hội theo luật định; - Giới thiệu Đoàn Chủ tịch Đại hội;	Ban Tổ chức
3	9h00-9h15	- Khai mạc Đại hội đồng cổ đông; - Giới thiệu và thông qua Ban Thư ký Đại hội; - Giới thiệu và thông qua Ban Kiểm phiếu Đại hội; - Thông qua chương trình và Quy chế tổ chức Đại hội;	Đoàn Chủ tịch
4	9h15-10h45	- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024, kế hoạch sản xuất kinh doanh 2025 và kết quả hoạt động của HĐQT năm 2024, mục tiêu kế hoạch hoạt động năm 2025;	Đoàn Chủ tịch
		- Báo cáo kết quả hoạt động tài chính năm 2024 đã được kiểm toán;	Đoàn Chủ tịch
		- Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025;	Trưởng Ban KS
		- Phát biểu của Đại biểu khách mời (nếu có)	
		- Cổ đông thảo luận và trả lời các câu hỏi;	Đoàn Chủ tịch
		Biểu quyết thông qua các báo cáo và tờ trình của HĐQT với các nội dung như sau: (i). Thông qua các báo cáo của Đại hội: - Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024, kế hoạch sản xuất kinh doanh 2025 và kết quả hoạt động của HĐQT năm 2024, mục tiêu kế hoạch hoạt động năm 2025; - Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán; - Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025; (ii). Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và dự kiến kế hoạch chi trả cổ tức năm 2025. (iii). Quyết toán thu nhập của HĐQT và Ban kiểm soát (iiii). Thông qua một số nội dung khác thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông.	Đoàn Chủ tịch
5	10h45-11g00	- Báo cáo Biên bản và dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; - Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;	- Thư ký Đại hội - Đoàn Chủ tịch
6	11h	- Bế mạc Đại hội.	Ban Tổ chức



Trưởng Ban Tổ chức

CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Bình

“ Tài liệu Đại hội đồng cổ đông ”

QUY CHẾ

TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần thủy điện Sê San 4A.

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi áp dụng:

- 1.1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (“**ĐHĐCĐ**”) của Công ty cổ phần thủy điện Sê San 4A (“**Công ty**”)
- 1.2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người tham dự họp **ĐHĐCĐ**, điều kiện, thể thức tiến hành họp **ĐHĐCĐ**

Điều 2. Đối tượng áp dụng:

Cổ đông và người tham dự họp **ĐHĐCĐ** có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Quy chế này.

Điều 3. Tính hiệu lực:

Cổ đông và các bên tham gia **ĐHĐCĐ** thường niên năm 2025 của Công ty có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

CHƯƠNG II QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ KHI THAM GIA CUỘC HỌP

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông tham dự.

4.1. Điều kiện tham dự **ĐHĐCĐ:**

Là các cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền của cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt quyền tham dự họp **ĐHĐCĐ**

4.2. Quyền của các cổ đông khi tham dự **ĐHĐCĐ:**

- (a). Tất cả các cổ đông của Công ty đều có quyền tham dự, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của **ĐHĐCĐ** theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- (b). Trường hợp không thể tham dự **ĐHĐCĐ**, cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình. Việc ủy quyền này phải được lập thành văn bản theo mẫu đính kèm theo Giấy mời họp **ĐHĐCĐ** của Công ty.

- (c). Tại cuộc họp ĐHĐCĐ, mỗi cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông được nhận Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu cử, Phiếu biểu quyết sau khi đăng ký tham dự ĐHĐCĐ với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông.

Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông/đại diện được ủy quyền của cổ đông có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

- (d). Cổ đông, đại diện được ủy quyền đến dự họp ĐHĐCĐ muộn có quyền đăng ký, và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại cuộc họp ĐHĐCĐ, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp ĐHĐCĐ và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng.

4.3. Nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự ĐHĐCĐ:

- (a). Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông khi tham dự họp ĐHĐCĐ phải mang theo Căn cước công dân/Hộ chiếu, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền) và đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ với Ban kiểm tra tư cách cổ đông.
- (b). Tuân thủ các quy định tại Quy chế này.
- (c). Nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp ĐHĐCĐ, tôn trọng kết quả làm việc tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
- (d). Trang phục của cổ đông đến tham dự ĐHĐCĐ đảm bảo tính lịch sự, trang trọng.
- (e). Ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự, lộn xộn, không hút thuốc lá trong phòng ĐHĐCĐ, không sử dụng điện thoại di động trong khi ĐHĐCĐ diễn ra. Điện thoại di động phải tắt hoặc không để chuông.
- (f). Cổ đông khi vào phòng ĐHĐCĐ phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban Tổ chức ĐHĐCĐ quy định, tuân thủ việc điều hành của Chủ tọa và Ban Tổ chức ĐHĐCĐ.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông.

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông gồm 02 đến 04 thành viên do Hội đồng quản trị thành lập và được giới thiệu với ĐHĐCĐ, có chức năng và nhiệm vụ sau đây:

- Đón tiếp, phát tài liệu, phiếu biểu quyết, bố trí chỗ ngồi cho Cổ đông/đại diện cổ đông tham dự cuộc họp
- Kiểm tra giấy tờ của cổ đông/đại diện cổ đông đến dự họp đối chiếu với danh sách cổ đông có quyền dự họp đã được chốt ngày 20/03/2025. Báo cáo trước cuộc họp về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa, Ban Chủ tọa:

- 6.1. Ban Chủ tọa gồm 03 (ba) thành viên được ĐHĐCĐ thông qua, và Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa cuộc họp.
- 6.2. Ban Chủ tọa có chức năng và có nhiệm vụ sau đây:
- (a). Có chức năng điều khiển cuộc họp ĐHĐCĐ.

- (b). Tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển cuộc họp ĐHĐCĐ diễn ra một cách hợp lệ và có trật tự, và/hoặc cuộc họp ĐHĐCĐ phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.
- (c). Hướng dẫn các đại biểu và ĐHĐCĐ thảo luận.
- (d). Trình dự thảo, lấy ý kiến biểu quyết và kết luận các vấn đề nằm trong Chương trình họp và các vấn đề có liên quan trong suốt cuộc họp ĐHĐCĐ.
- (e). Trả lời các câu hỏi của cổ đông liên quan đến các vấn đề thảo luận tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
- (f). Giải quyết bất kỳ và tất cả các vấn đề phát sinh (nếu có) trong suốt cuộc họp ĐHĐCĐ.
- (g). Không cần lấy ý kiến của ĐHĐCĐ, bất cứ lúc nào Ban Chủ tọa cũng có thể trì hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ đến một thời điểm khác (phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty) và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:
 - (i). Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả cổ đông dự họp;
 - (ii). Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- (h). Quyết định của Ban Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài Chương trình họp sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Thư ký Đại hội.

Ban tổ chức đại hội giới thiệu 02 (hai) người làm Thư ký Đại hội để thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Ban Chủ tọa và được Đại hội thông qua, bao gồm:

- (a). Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung của ĐHĐCĐ (bao gồm cả những vấn đề đã được ĐHĐCĐ thông qua hoặc bảo lưu).
- (b). Hỗ trợ Ban Chủ tọa công bố dự thảo Biên bản và Nghị quyết của ĐHĐCĐ và thông báo của Đoàn Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.
- (c). Tiếp nhận phiếu câu hỏi của cổ đông.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu.

- 8.1. Ban Kiểm phiếu gồm 03 - 05 thành viên và được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua.
- 8.2. Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm:
 - (a). Đọc Quy chế biểu quyết, kiểm phiếu.
 - (b). Giới thiệu Phiếu và phát Phiếu.
 - (c). Tiến hành thu Phiếu sau khi ĐHĐCĐ biểu quyết.
 - (d). Tiến hành kiểm phiếu.
 - (e). Báo cáo trước ĐHĐCĐ về kết quả kiểm phiếu, Lập biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội, sau đó nộp biên bản cho Chủ tịch đoàn thông qua Thư ký Đại hội.

CHƯƠNG III: TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH ĐHĐCĐ

Điều 9: Điều kiện tiến hành Đại hội.

Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại diện ít nhất 50% số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ.

Điều 10: Cách thức tiến hành ĐHĐCĐ

- (a). Đại hội cổ đông sẽ lần lượt nghe trình bày các Báo cáo và tờ trình của Hội đồng quản trị trình đại hội theo chương trình cuộc họp và tiến hành thảo luận, biểu quyết thông qua các báo cáo và tờ trình.
- (b). ĐHĐCĐ sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại Chương trình họp.
- (c). Việc biểu quyết thông qua các nội dung trong chương trình Đại hội đều thực hiện theo hình thức giơ phiếu biểu quyết theo từng nội dung, Cổ đông có thể biểu quyết tán thành hoặc không tán thành. Trong quá trình Chủ tọa Đại hội đang tiến hành lấy biểu quyết từng nội dung, Cổ đông không phát biểu lại các nội dung đang lấy biểu quyết mà thể hiện quyền của mình bằng hình thức giơ phiếu biểu quyết đồng ý hay không đồng ý.

Điều 11: Thảo luận nội dung phiên họp và giải đáp thắc mắc.

Sau khi các báo cáo được trình bày xong, Chủ tọa ĐHĐCĐ tiếp tục chủ trì phiên thảo luận, tiếp nhận ý kiến của các cổ đông và giải đáp thắc mắc theo nguyên tắc và cách thức sau:

- (a). Cổ đông tham dự ĐHĐCĐ đăng ký nội dung phát biểu với Ban Chủ tọa qua Thư ký của Công ty. Sau khi được Chủ tọa cho phép phát biểu, cổ đông phát biểu ngắn gọn, tránh trùng lặp. Chủ tọa có quyền ngừng việc phát biểu của cổ đông nếu xét thấy những vấn đề kiến nghị và thảo luận trùng lặp, không liên quan đến nội dung Chương trình họp.
- (b). Chủ tọa chỉ trả lời trực tiếp các câu hỏi trọng tâm và liên quan đến các nội dung trong Chương trình họp. Chủ tọa không giải thích các nội dung có tính chất chuyên môn, phục vụ yêu cầu riêng biệt của cá nhân cổ đông.
- (c). Các câu hỏi không liên quan trực tiếp đến nội dung ĐHĐCĐ nhưng thuộc phạm vi quyền và lợi ích của cổ đông sẽ được Thư ký tập họp và Ban Chủ tọa sẽ trả lời bằng hình thức khác phù hợp với quy định của Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.
- (d). Các câu hỏi không kịp trả lời trong ĐHĐCĐ do thời gian có hạn cũng sẽ được Ban Chủ tọa trả lời bằng hình thức khác trực tiếp đến cổ đông.

Điều 12: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Các quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 13. Biên bản cuộc họp và Nghị quyết và biên bản ĐHĐCĐ.

- (a). Nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ được lập thành Biên bản và được Thư ký Đại hội ghi vào Sổ biên bản. Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp ĐHĐCĐ và được lưu giữ vào Sổ biên bản.
- (b). Nghị quyết được thông qua với tỷ lệ trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG IV

CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 14. Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông không thành.

- (a). Trường hợp cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định Điều 9 của Quy chế này thì việc triệu tập họp ĐHĐCĐ lần thứ hai phải được thực hiện trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày cuộc họp ĐHĐCĐ thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai được tiến hành khi có số thành viên tham dự là cổ đông và người đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- (b). Trường hợp cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản a Điều này thì việc triệu tập họp ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được thực hiện trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp.

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15: Hiệu lực thi hành

Quy chế gồm 05 Chương và 15 Điều này có hiệu lực kể từ khi được ĐHĐCĐ thông qua.

Nơi nhân:

- Cổ đông công ty;
- Lưu VP, HĐQT.

**T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



NGUYỄN BÌNH



CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 01/BC-HĐQT

Gia Lai; ngày 02 tháng 04 năm 2025

BÁO CÁO TỔNG KẾT

**Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024, kế hoạch
sản xuất kinh doanh 2025 và kết quả hoạt động của HĐQT năm 2024, mục
tiêu kế hoạch hoạt động năm 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Sê San 4A

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần thủy điện Sê San 4A (Công ty) và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần thủy điện Sê San 4A kính báo cáo toàn thể Quý vị Cổ đông về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2024, kế hoạch SXKD 2025 và kết quả hoạt động của HĐQT năm 2024, mục tiêu kế hoạch hoạt động năm 2025 như sau:

A. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH SXKD 2025.

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ VỀ HOẠT ĐỘNG ĐIỀU HÀNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024:

1. Kết quả hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh năm 2024.

Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Sê San 4A đã triển khai thực hiện những công việc thuộc trách nhiệm của HĐQT theo quy định của Điều lệ Công ty, quy chế quản trị Công ty và pháp luật của Nhà nước. HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đối với hoạt động giám sát, chỉ đạo đưa ra các nghị quyết, quyết định phục vụ cho công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của Công ty.

Tình hình hoạt động SXKD năm 2024 diễn ra trong điều kiện, các hoạt động kinh tế xã hội đang trên đà phục hồi và phát triển sau đại dịch Covid 19. Bối cảnh quốc tế, trong nước vẫn còn nhiều khó khăn và thách thức: Lạm phát tăng cao đã ảnh hưởng đến sự tăng trưởng chậm lại của các nền kinh tế lớn, nhưng đối với nền kinh tế Việt Nam đã vượt qua khó khăn để đạt được những thành tựu nổi bật. An ninh năng lượng, an ninh lương thực được bảo đảm ổn định; thị trường lao động phục hồi tích cực. Việt Nam vẫn nằm trong nhóm các nước có tăng trưởng kinh tế cao nhất khu vực. Do đó, nhu cầu sử dụng điện tăng cao.

Song hành cùng đà phát triển của nền kinh tế đất nước, với tinh thần phấn đấu vượt qua mọi khó khăn của Ban Giám đốc, cán bộ công nhân viên Công ty đã chủ động, linh hoạt trong quá trình quản lý điều hành SXKD và luôn được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị để đạt được kết quả cao nhất.

Trong năm 2024, khu vực miền Trung và Tây nguyên lưu lượng mưa giảm so với cùng kỳ năm 2023. Ngoài ra thực hiện chủ trương của Chính phủ: "EVN phải cung ứng đủ điện cho toàn bộ nền kinh tế - xã hội vào mùa khô năm 2024" cho nên EVN đã dự trữ nguồn nước trên các hồ thủy điện thượng nguồn của Nhà máy thủy điện Sê San 4A. Do đó việc vận hành phát điện không được thuận lợi, sản lượng điện thương phẩm sản xuất không đạt kế hoạch, sản lượng điện sản xuất (284.838.150/331.000.000 kWh) đạt 86,05% kế hoạch năm, chỉ tiêu lợi nhuận đạt 81% kế hoạch năm.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch	Thực hiện	Chỉ tiêu thực hiện (%)
1	Sản lượng điện thương phẩm	Tr. kWh	331,00	284,838	86,0 5
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	294,105	255,50	86,88
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	173,173	157,224	90,79
4	Lợi nhuận trước thuế (2-3)	Tỷ đồng	120,932	98,320	81,30
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	12,093	10,218	84,50
6	Lợi nhuận sau thuế (4-5)	Tỷ đồng	108,839	88,102	80,95
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	%/1CP	25,79	20,88	80,95

2. Đánh giá về công tác điều hành quản trị Công ty: Thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Ban điều hành Công ty đã điều hành chỉ đạo thực hiện một số nội dung sau:

2.1: Thực hiện các công việc phục vụ sản xuất kinh doanh điện:

- Việc duy tu bảo dưỡng thiết bị nhà máy thực hiện theo định kỳ hàng năm. Công tác đầu tư, thay thế thiết bị thực hiện kịp thời đáp ứng nhu cầu vận hành sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện công tác duy tu sửa chữa các hạng mục công trình xây dựng thường xuyên theo kế hoạch đã được HĐQT phê duyệt để đảm bảo cho công tác vận hành nhà máy được an toàn, hiệu quả.

- Chủ động trong công tác mua sắm vật tư thiết bị, phục vụ cho công tác vận hành. Trong năm, thiết bị nhà máy không có xảy ra sự cố lớn chỉ có một số sự cố, hỏng hóc nhỏ, Cán bộ công nhân viên sửa chữa vận hành tự khắc phục sửa chữa.

2.2: Thực hiện công tác kinh tế, tài chính:

- Trong năm 2024, do không đủ dòng tiền để phục vụ kịp thời cho quá trình hoạt động SXKD, Công ty đã vay thêm vốn ngắn hạn tại Ngân hàng thương mại để bổ sung vào nguồn vốn lưu động giải ngân nguồn vốn này duy trì ở mức từ 20 đến 40 tỷ đồng.

- Tổng dư nợ vay ngân hàng của Hợp đồng tín dụng số 01/2008/HĐTD, ngày 15/01/2008, tại 31/12/2024:

+ USD là 4.170.000 USD

+ VNĐ là 66,7 tỷ đồng.

- Tổng dư nợ vay ngân hàng của Hợp đồng tín dụng 01/2023/1658294/HĐTD, ngày 20/12/2023, dư nợ tại 31/01/2024 là 195 tỷ đồng.

- Dư nợ các khoản vay ngắn hạn (vay vốn lưu động) tại ngày 31/12/2024 là: 33,55 tỷ đồng

- Doanh thu hợp đồng bán chứng chỉ REC chứng chỉ năng lượng tái tạo (chứng chỉ giảm phát thải Cacbon CDM) năm 2023 là: 3.326.047.847 đồng.

3. Kết quả thực hiện chi trả cổ tức:

3.1: Chi trả cổ tức năm 2023:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. Công ty đã hoàn thành việc chi trả cổ tức cho năm tài chính 2023 với mức chi trả bằng tiền mặt là 35%:

- Đợt 1: 18% thanh toán ngày 08/01/2024.
- Đợt 2: 12% thanh toán ngày 31/01/2024.
- Đợt 3: 5% thanh toán ngày 30/05/2024.

3.2: Tạm ứng cổ tức năm 2024:

Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua với tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2024 là 20 - 30%. Công ty đã chi trả theo hình thức tạm ứng của năm 2024, trả bằng tiền mặt là 12%:

- Tạm ứng (đợt 1): 12% ngày thanh toán 08/01/2025.

4. Kết quả thực hiện Công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024:

Thực hiện nội dung ủy quyền tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. Công ty đã lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 là Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam.

Đơn vị kiểm toán đã hoàn thành báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ năm 2024 theo quy định, và hoàn thành báo cáo kiểm toán cả năm 2024.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025:

1. Mục tiêu thực hiện kế hoạch SXKD năm 2025:

Năm 2024 trên khu vực miền Trung và Tây nguyên mùa mưa đến muộn, kết thúc muộn hơn so với cùng kỳ, tại thời điểm cuối năm lượng nước trong các hồ chứa

trên dòng Sông Sê San không đạt mức nước dâng bình thường. Dự báo trong các tháng mùa khô năm 2025 việc chạy máy phát điện sẽ gặp nhiều khó khăn.

Bên cạnh các yếu tố thuận lợi còn có các yếu tố bất lợi, như các nhà máy thủy điện sẽ bị cắt giảm công suất nhường phụ tải cho điện mặt trời, điện gió.

Bên cạnh đó yếu tố tác động làm tăng chi phí tài chính; Cụ thể, trong năm 2023 công ty đã vay thêm khoản vay trung hạn gần 200 tỷ tại Ngân hàng BIDV nam Gia Lai để bù đắp tài chính thiếu bị thiếu hụt năm 2011 đến năm 2023 và duy trì mức vay vốn lưu động ở các Ngân hàng thương mại từ 30-50 tỷ đồng, do đó làm tăng chi phí tài chính của Công ty.

Căn cứ các yếu tố trên bên cạnh các yếu tố thuận lợi khác, để đáp ứng thực hiện được kế hoạch SXKD trình Đại hội đồng cổ đông, HĐQT chỉ đạo Công ty xây dựng kế hoạch năm 2025 một cách thận trọng với các chỉ tiêu chính như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch	Ghi chú
1	Sản lượng điện thương phẩm	Tr. kWh	310,922	
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	277,947	
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	176,132	
4	Lợi nhuận trước thuế (2-3)	Tỷ đồng	101,814	
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	10,181	
6	Lợi nhuận sau thuế (4-5)	Tỷ đồng	91,633	
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	%/1CP	21,71	

2. Các giải pháp thực hiện điều hành chủ yếu:

2.1 . Công tác quản lý vận hành Nhà máy Điện.

- Thuê đơn vị ngoài thực hiện nhiệm vụ duy tu, sửa chữa thiết bị các tháng mùa khô theo đúng kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ được HĐQT phê duyệt.

- Trong mùa khô khai thác tối đa nguồn nước về hồ để chạy máy phát điện với công suất tối đa nhằm tăng hiệu quả vận hành, vào mùa mưa kết hợp với các đơn vị bậc thang phía trên thượng nguồn để tận dụng nguồn nước về hồ nhằm phát điện hết công suất của 03 tổ máy.

- Xây dựng kế hoạch vận hành an toàn, khoa học, hiệu quả, tiết kiệm giảm lượng điện tự dùng nhà máy đến mức thấp nhất.

2.2 Đối với công tác điều hành sản xuất kinh doanh:

- Duy trì tốt mối quan hệ với các đơn vị thuộc Tập Đoàn EVN, các Sở, Ban ngành tại địa phương có liên quan phục vụ cho công tác điều hành sản xuất kinh doanh được hiệu quả hơn.

- Xây dựng, hoàn thiện bộ máy quản lý, điều hành Công ty theo các quy định hiện hành về quản trị công ty đại chúng nhằm yếu để tăng hiệu quả điều hành sản xuất kinh doanh, tiết kiệm chi phí.

- Thực hiện công tác bảo dưỡng thiết bị thường xuyên tại Nhà máy, mua sắm vật tư, thiết bị dự phòng đáp ứng nhu cầu vận hành, giảm lượng hàng tồn kho, dự phòng thấp nhất.

- Tiếp tục thực hiện hợp đồng bán chứng chỉ giảm phát thải NMTĐ Sê San 4A.

- Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước; Tập đoàn EVN; Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia thực hiện có hiệu quả, tăng doanh thu khi nhà máy chính thức tham gia thị trường điện cạnh tranh kể từ ngày 01/01/2025.

2.3. Công tác tài chính:

- Cập nhật, quan hệ chặt chẽ với các Ngân hàng cho vay, giải ngân bổ sung khoản vay vốn lưu động phục vụ cho công tác tài chính của Công ty theo kế hoạch đã được HĐQT phê duyệt.

- Quản lý cân đối dòng tiền để trả nợ gốc và lãi vay đúng hạn, sử dụng nguồn tiền nhàn rỗi gửi tiết kiệm có kỳ hạn để tăng doanh thu tài chính.

2.4. Đối với một số công tác khác:

- Cập nhật thường xuyên các văn bản quy phạm pháp luật về quy định quản trị công ty niêm yết, lập các báo cáo và công bố thông tin theo quy định.

- Cập nhật và sửa đổi bổ sung các quy chế, theo quy định của luật chứng khoán, luật doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

B. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2024:

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2028.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày kết thúc nhiệm kỳ
1	Ông Nguyễn Bình	Chủ tịch HĐQT	21/04/2023	21/04/2028
2	Ông Phạm Văn Minh	TV HĐQT độc lập	21/04/2023	21/04/2028
3	Ông Thái Như Hiệp	TV HĐQT	21/04/2023	21/04/2028
4	Ông Nguyễn Kiếm	TV HĐQT	21/04/2023	21/04/2028
5	Ông Nguyễn An	TV HĐQT kiêm TGD	21/04/2023	21/04/2028

6	Ông Phan Văn Lâm	TV HĐQT độc lập	21/04/2023	21/04/2028
7	Ông Đặng Mai Sơn	Người phụ trách quản trị Cty kiêm thư ký		

2. Tổng kết các cuộc họp HĐQT, nội dung được thông qua tại các cuộc họp HĐQT.

Trong năm 2024 Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 04 cuộc họp chính thức, các nội dung thông qua tại cuộc họp như Phụ lục 01 kèm theo.

3. Các nghị quyết của HĐQT đã ban hành trong năm 2024:

Trong năm 2024 HĐQT đã ban hành 07 nghị quyết các nội dung nghị quyết được thông qua như Phụ lục số 02 kèm theo.

4. Kết quả hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- HĐQT thực hiện việc giám sát các hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty đối với Ban điều hành và cán bộ quản lý khác trong việc triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ và nghị quyết, quyết định của HĐQT trong năm 2024. Việc giám sát đối với Ban điều hành và cán bộ quản lý khác các nội dung giám sát như sau:

- Giám sát việc thực hiện theo kế hoạch SXKD từng tháng và các chỉ tiêu SXKD năm 2024 đã được ĐHĐCĐ thông qua.

- Giám sát việc quản lý chi phí đầu tư, các thủ tục về đầu tư mua sắm thiết bị, trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Giám sát việc Ban điều hành Công ty tuân thủ theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và các Quy chế về quản trị Công ty.

- HĐQT đánh giá cao sự điều hành linh hoạt, có hiệu quả cao của Ban điều hành để đạt được các chỉ tiêu về kế hoạch SXKD do ĐHĐCĐ giao.

5. Báo cáo thu nhập, thù lao của HĐQT, TGD và Ban Kiểm soát năm 2024:

- Thu nhập của Hội đồng quản trị, ban lãnh đạo và Ban kiểm soát Công ty năm 2024: **5.137.804.462**, đ. (Năm tỷ, một trăm ba mươi bảy triệu, tám trăm lẻ bốn ngàn, bốn trăm sáu mươi hai đồng)

- Thu nhập của từng thành viên được thể hiện chi tiết tại: Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán (Phần thuyết minh báo cáo tài chính; mục Thông tin các bên liên quan; trang 32)

II. HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP VÀ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT:

1. Tổ chức các cuộc họp HĐQT.

- Các cuộc họp của HĐQT đã được triệu tập và thực hiện với lịch trình cụ thể, chuẩn bị tài liệu chu đáo, theo đúng các quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ. Nội dung các cuộc họp được các thành viên HĐQT thảo luận, phản biện, đánh giá đầy đủ và cẩn trọng để đưa ra những định hướng, giải pháp tốt nhất cho Công ty.

- Các vấn đề liên quan đến kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính, văn hóa doanh nghiệp, xây dựng hệ thống quản lý... đều được thảo luận, kiểm soát một cách chặt chẽ giữa HĐQT và Ban điều hành. Quá trình thực thi hoạt động của Công ty được diễn ra theo quy chế phân quyền rõ ràng, luôn được phân tích, nhận diện rủi ro một cách kịp thời nhằm đảm bảo sự ổn định, an toàn, tuân thủ theo quy định của pháp luật, cũng như đạt được kế hoạch do HĐQT và ĐHĐCĐ thường niên đã đề ra.

- Các đề xuất kế hoạch mở rộng đầu tư nâng cấp thiết bị mới đều được nghiên cứu độc lập, có cơ sở khoa học và phản biện trong HĐQT và với Ban điều hành trước khi đưa ra quyết định.

2. Việc giám sát Ban điều hành và các thành viên khác trong Ban điều hành.

- Về tổng thể, HĐQT đã thực hiện tốt công tác giám sát đối với Ban điều hành, đảm bảo hoạt động của Công ty luôn được kiểm soát chặt chẽ để đi đúng định hướng kế hoạch, chiến lược và điều chỉnh các quyết định kịp thời khi thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty.

- Các thành viên HĐQT giữ các chức danh trong Ban điều hành đã thường xuyên tham dự các cuộc họp định kỳ và bất thường của Ban điều hành. Các quyết sách của Ban điều hành được phân tích, phản biện và tham vấn từ HĐQT nhằm có các giải pháp tối ưu cho lợi ích của Công ty. Qua đó, HĐQT luôn nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty cũng như được cập nhật nhanh nhất các yêu cầu từ thực tế và quy định về quản trị Công ty.

- HĐQT đặc biệt quan tâm đến các giải pháp quản trị rủi ro, nhằm hỗ trợ ban điều hành nhận diện sớm các vấn đề và giúp công ty duy trì tính bền vững, ổn định trong hoạt động, bảo vệ lợi ích của Cổ đông, nhà đầu tư.

3. Đánh giá chung hoạt động HĐQT

- Theo kế hoạch hoạt động của HĐQT, các công việc của HĐQT đã thực hiện trong năm 2024 tập trung đúng theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ đề ra và tuân thủ Điều lệ công ty, Quy chế quản trị và các thông lệ chuẩn mực quản trị Công ty.

- Tất cả thành viên HĐQT, có tinh thần trách nhiệm cao, có tính chuyên nghiệp cao, rõ ràng về trách nhiệm được phân công trong việc bảo vệ lợi ích của Công ty và can thiệp trong việc thực hiện vai trò của mình.

- HĐQT đã đề xuất nhiều giải pháp hiệu quả, kịp thời để giúp Ban điều hành trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty, thực hiện tốt việc giám sát và kiểm soát để đảm bảo tiêu chí tuân thủ pháp luật được Ban điều hành Công ty tuyệt đối tuân thủ.

- HĐQT đã lãnh đạo và quản lý Công ty hoàn thành các mục tiêu của năm 2024, thực hiện tốt nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước, mang lại hiệu quả ổn định cho cổ đông và thu nhập ổn định cho người lao động.

- HĐQT đã làm việc thống nhất và được các cơ quan quản lý nhà nước: Tập đoàn Điện lực Việt Nam; Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia cho Nhà máy thủy điện Sê San 4A chính thức tham gia thị trường điện cạnh tranh kể từ ngày 01/01/2025. Đây là một cơ hội thuận lợi rất lớn nhằm nâng cao doanh thu bán điện và tăng thêm thu nhập cho Cổ đông hàng năm.

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2025:

- HĐQT tiếp tục phát huy những giá trị, định hướng phát triển trong thời gian qua, chủ động nắm bắt các cơ hội, triển khai các giải pháp tối ưu để thực hiện tốt nhiệm vụ điều hành sản xuất kinh doanh năm 2025. Trong dài hạn tìm kiếm các cơ hội, dự án để đầu tư đưa Công ty ngày càng phát triển.

- HĐQT duy trì các cuộc họp định kỳ và bất thường để kịp thời chỉ đạo và giám sát các hoạt động điều hành SXKD của Ban điều hành Công ty, đảm bảo được nhiệm vụ SXKD năm 2025 được ĐHĐCĐ thông qua.

- Chỉ đạo Ban điều hành Công ty vận hành sản xuất điện hiệu quả, an toàn, tiết kiệm công tác đầu tư, mua sắm thiết bị có chọn lọc, chống lãng phí để đảm bảo được các chỉ tiêu về lợi nhuận cao nhất đã được Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua.

- Chỉ đạo thực hiện cập nhật, bổ sung quy chế đầu tư, lựa chọn nhà thầu, thực hiện các hợp đồng kinh tế sửa chữa đầu tư nâng cấp thiết bị.

- Chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục triển khai thực hiện bán chứng chỉ khí phát thải của Nhà máy để nâng cao doanh thu.

- Chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục thực hiện tốt nhất việc quản lý vận hành để tham gia thị trường điện cạnh tranh đạt hiệu quả cao nhất.

- Chỉ đạo Ban điều hành chú trọng đến công tác môi trường, phòng chống thiên tai, cháy nổ trong quá trình vận hành nhà máy. Quan tâm đến trách nhiệm xã hội, tác động môi trường. Nâng cao đời sống, phúc lợi cho người lao động, nâng cao điều kiện bảo vệ sức khỏe, an toàn lao động cho lực lượng lao động trực tiếp tại nhà máy, nhằm nâng cao năng suất lao động, gắn kết lợi ích của người lao động với lợi ích lâu dài của công ty, nâng cao giá trị của công ty.

Trên đây là báo cáo kết quả điều hành, thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2024, kế hoạch SXKD năm 2025 và kết quả hoạt động của HĐQT năm 2024 và định hướng nhiệm vụ của năm 2025.

Hội đồng quản trị rất mong muốn tiếp tục nhận được sự đồng lòng ủng hộ của Quý vị Cổ đông, các đối tác nhằm thực hiện thành công kế hoạch SXKD năm 2025 và định hướng phát triển của Công ty trong những năm tiếp theo.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên
- HĐQT, BKS
- VP, HĐQT

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN BÌNH

PHỤ LỤC 01:**Các cuộc họp và các nội dung được thảo luận thông qua tại cuộc họp HĐQT năm 2024**

Stt	Cuộc họp	Các nội dung chính được thông qua
01	Số: 01/2024/BB-HĐQT ngày 26/01/2024.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023. 2. Kế hoạch sản SXKD và kế hoạch đầu tư mua sắm nâng cấp hệ thống thiết bị nhà máy 2024 3. Phương án phân phối lợi nhuận của năm 2023. 4. Chi thưởng cho HĐQT, BKS và toàn thể CBCNV Công ty
02	Số: 02/2024/BB-HĐQT ngày 27/03/2024.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. 2. Phương án phân phối lợi nhuận còn lại của năm 2022 và 2023. 3. Công tác nhân sự: Thông qua phê chuẩn nội dung cho thôi nhiệm chức danh Trưởng ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025, đối với Ông Lê Văn Thuyết 4. Các nội dung khác liên quan đến công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty
03	Số: 03/2024/BB-HĐQT ngày 25/04/2024.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Phê duyệt nội dung trả cổ tức(đợt 3) năm 2023. 2. Phê duyệt đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024. 3. Phê duyệt một số nội dung khác liên quan đến công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty
04	Số: 04/2024/BB-HĐQT ngày 10/10/2024.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đánh giá thực hiện nhiệm vụ kế hoạch SXKD 09 tháng năm 2024 và kế hoạch SXKD quý IV năm 2024. 2. Thông qua nội dung chi trả tạm ứng cổ tức (đợt 1) năm 2024.

PHỤ LỤC 02:**Các nội dung nghị quyết được ban hành của HĐQT năm 2024**

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐQT	08/01/2024	Phê duyệt nội dung chi trả tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2023 bằng tiền
2	Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐQT	04/03/2024	Phê duyệt nội dung tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024
3	Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐQT	27/03/2024	HĐQT nhất trí biểu quyết thông qua đơn xin từ nhiệm chức danh trưởng ban kiểm soát và thành viên BKS nhiệm kỳ 2020-2025 của ông Lê Văn Thuyết
4	Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐQT	25/04/2024	Phê duyệt nội dung chi trả cổ tức đợt 3 năm 2023 bằng tiền
5	Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐQT	11/06/2024	Phê duyệt đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 bao gồm cả báo cáo giữa niên độ
6	Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐQT	15/06/2024	Thông qua vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Bắc Gia Lai
7	Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐQT	02/12/2024	Phê duyệt nội dung chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2024 bằng tiền

CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – tự do – Hạnh phúc

----------

Số: 01/TT-HĐQT

Pleiku; ngày 02 tháng 04 năm 2025

TỜ TRÌNH

“ Thông qua các nội dung do HĐQT trình tại Đại hội ”

Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Sê San 4A.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 24/04/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần thủy điện Sê San 4A.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Sê San 4A xin trân trọng kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua các nội dung sau:

1. Nội dung trình số 01:

Thông qua các báo cáo của Đại hội;

- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024, kế hoạch sản xuất kinh doanh 2025 và mục tiêu kế hoạch hoạt động năm 2025 của HĐQT Công ty cổ phần thủy điện Sê San 4A.

- Báo cáo kết quả hoạt động tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.

- Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024 và kế hoạch năm 2025

2. Nội dung trình số 02:

Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập quỹ và chi trả cổ tức năm 2024 và dự kiến kế hoạch chi trả cổ tức năm 2025:

2.1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối :	88.101.984.864
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.701.984.864
- Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, tỷ lệ 20%/CP	84.400.000.000
+ Đã chi trả tạm ứng (đợt 1) 12%, thanh toán vào ngày 08/01/2025	
+ Chi trả (đợt 2) 8%, chi trả trong tháng 06 năm 2025	

2.2. Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2025.

- Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2025 dự kiến: 20 %/1 cổ phiếu.

- Thời gian thanh toán tạm ứng cổ tức, ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

“ Tài liệu Đại hội đồng cổ đông ”



3. Nội dung trình số 03:

Thông qua chi phí hoạt động của HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2024 và kế hoạch năm 2025:

3.1 .Thu nhập của HĐQT, Ban TGD, BKS Công ty năm 2024:

- Thu nhập của Hội đồng quản trị, ban lãnh đạo và Ban kiểm soát Công ty năm 2024: **5.137.804.462**, đ. (Năm tỷ, một trăm ba mươi bảy triệu, tám trăm lẻ bốn ngàn, bốn trăm sáu mươi hai đồng)
- Thu nhập của từng thành viên được thể hiện chi tiết tại: Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán (Phần thuyết minh báo cáo tài chính; mục Thông tin các bên liên quan; trang 32)

3.2. Kế hoạch thu nhập, thù lao của HĐQT, Ban TGD, BKS Công ty năm 2025: Kế hoạch trả thu nhập, thù lao năm 2025: **6.000.000.000**, đồng, (Sáu tỷ đồng) đã bao gồm lương, thù lao của Chủ tịch HĐQT điều hành chuyên trách.

4. Nội dung trình số 04:

4.1. Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn và phê duyệt đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm và soát xét giữa niên độ năm 2025.

4.2. Ủy quyền cho HĐQT ký kết các hợp đồng vay, cho vay với các bên liên quan, theo quy định thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, được quy định tại Điều 167 của Luật Doanh nghiệp năm 2020, để phục vụ cho quá trình SXKD của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.

4.3. Ủy quyền cho HĐQT tìm kiếm các nguồn vốn vay vốn ưu đãi thấp hơn vốn vay của ngân hàng để sớm trả nợ gốc và giảm lãi vay tín dụng.

Trên đây là các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Sê San 4A xin trân trọng kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm và nhất trí cao của Quý Cổ đông.

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN BÌNH





CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



SỐ: 01/NQ/2025/ĐHĐCĐ-S4A

Gia Lai; ngày ... tháng 04 năm 2025

ĐU' THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa 14, thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Sê San 4A.

Căn cứ biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 số: 01/2025/BB- ĐHĐCĐ- S4A, ngày/04/2025.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Sê San 4A diễn ra ngày/04/2025 đã biểu quyết thông qua 04 (bốn) nội dung do Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty trình Đại hội như sau:

1. Thông qua nội dung các báo cáo:

1.1. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024, kế hoạch sản xuất kinh doanh 2025 và kết quả hoạt động năm 2024, mục tiêu kế hoạch hoạt động năm 2025 của HĐQT Công ty cổ phần thủy điện Sê San 4A:

a. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch	Thực hiện	Chỉ tiêu thực hiện (%)
1	Sản lượng điện thương phẩm	Tr. kWh	331,00	284,838	86,0 5
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	294,105	255,50	86,88
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	173,173	157,224	90,79

4	Lợi nhuận trước thuế (2-3)	Tỷ đồng	120,932	98,320	81,30
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	12,093	10,218	84,50
6	Lợi nhuận sau thuế (4-5)	Tỷ đồng	108,839	88,102	80,95
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	%/1CP	25,79	20,88	80,95

b. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch	Ghi chú
1	Sản lượng điện thương phẩm	Tr. kWh	310,922	
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	277,947	
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	176,132	
4	Lợi nhuận trước thuế (2-3)	Tỷ đồng	101,814	
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	10,181	
6	Lợi nhuận sau thuế (4-5)	Tỷ đồng	91,633	
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	%/1CP	21,71	

1.2. Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.

1.3. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát về thực hiện nhiệm vụ năm 2024 và kế hoạch năm 2025.

2. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và dự kiến kế hoạch chi trả cổ tức năm 2025:

2.1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối :	88.101.984.864
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.701.984.864
- Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, tỷ lệ 20%/CP	84.400.000.000
+ Đã chi trả tạm ứng (đợt 1) 12%, thanh toán vào ngày 08/01/2025	
+ Chi trả (đợt 2) 8%, giao cho HĐQT chỉ đạo thực hiện chi trả trong tháng 06 năm 2025	



2.2. Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2025.

- Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2025 dự kiến: 20%/1 cổ phiếu.

- Thời gian thanh toán tạm ứng cổ tức, ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

3. Thông qua quyết toán thù lao, thu nhập năm 2024 và kế hoạch thù lao, thu nhập năm 2025 của HĐQT, TGD và Ban Kiểm soát:

“ Tài liệu Đại hội đồng cổ đông ”

Thông qua chi phí hoạt động của HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2024 và kế hoạch năm 2025:

3.1 .Thu nhập của HĐQT, Ban TGD, BKS Công ty năm 2024:

- Thu nhập của Hội đồng quản trị, ban lãnh đạo và Ban kiểm soát Công ty năm 2024: **5.137.804.462**, đ. (Năm tỷ, một trăm ba mươi bảy triệu, tám trăm lẻ bốn ngàn, bốn trăm sáu mươi hai đồng)

- Thu nhập của từng thành viên được thể hiện chi tiết tại: Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán (Phần thuyết minh báo cáo tài chính; mục Thông tin các bên liên quan; trang 32)

3.2. Kế hoạch thu nhập, thù lao của HĐQT, Ban TGD, BKS Công ty năm 2025: Kế hoạch trả thu nhập, thù lao năm 2025: **6.000.000.000**, đồng, (Sáu tỷ đồng) đã bao gồm lương, thù lao của Chủ tịch HĐQT điều hành chuyên trách.

4. Thông qua một số nội dung ủy quyền thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông:

4.1. Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn và phê duyệt đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm và soát xét giữa niên độ năm 2025.

4.2. Ủy quyền cho HĐQT ký kết các hợp đồng vay, cho vay với các bên liên quan, theo quy định thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, được quy định tại Điều 167 của Luật Doanh nghiệp năm 2020, để phục vụ cho quá trình SXKD của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.

4.3. Ủy quyền cho HĐQT tìm kiếm các nguồn vốn vay vốn ưu đãi thấp hơn vốn vay của ngân hàng để sớm trả nợ gốc và giảm lãi vay tín dụng.

Điều 2: Điều khoản thi hành:

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc có trách nhiệm chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

Nghị quyết này được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 thông qua vào lúch00', ngày 25/04/2025.

Nơi nhận:

- Các cổ đông Cty;
- HĐQT, BKS; TGD;
- Đăng Website công ty;
- Công bố thông tin;
- Lưu VP, HĐQT.

**T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

NGUYỄN BÌNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

Địa chỉ: 650 Lê Duẩn, Phường Thắng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 33

1.50
CÔNG
CƠ
THI
S
TP. PL

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

Địa chỉ: 650 Lê Duẩn, Phường Thắng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Bình	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Minh	Thành viên
Ông Phan Văn Lân	Thành viên
Ông Thái Như Hiệp	Thành viên
Ông Nguyễn An	Thành viên
Ông Nguyễn Kiêm	Thành viên

Ban kiểm soát

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Hà Trọng Hợp	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 24/04/2024
Ông Lê Văn Thuyết	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 31/03/2024
Ông Đỗ Tiên	Thành viên	
Bà Trần Thị Đài	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn An	Tổng Giám đốc
Ông Trần Đức Hiền	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty là ông Nguyễn Bình, Chủ tịch HĐQT.

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

Địa chỉ: 650 Lê Duẩn, Phường Thắng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: www.ecovis.com/vietnam/audit).

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho HĐQT và Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Bình
Chủ tịch HĐQT

Gia Lai, ngày 10 tháng 03 năm 2025

Số: 55/2025/BCKT-E.AFA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 03 năm 2025 từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Thị Như Phương
Giám đốc Kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2293-2023-240-1

Người được uỷ quyền

Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM
Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2025

Lê Văn Hoàng
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5399-2025-240-1

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

Địa chỉ: 650 Lê Duẩn, Phường Thắng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Mẫu số B 01 – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		272.807.608.125	195.334.212.287
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	167.623.331.472	98.549.938.087
1. Tiền	111		84.623.331.472	11.549.938.087
2. Các khoản tương đương tiền	112		83.000.000.000	87.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		57.487.573.702	29.205.032.329
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	57.487.573.702	29.205.032.329
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		46.132.862.362	64.149.357.446
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	41.904.166.791	62.993.329.484
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	2.189.995.300	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	2.038.700.271	1.156.027.962
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	687.429.929	3.158.721.486
1. Hàng tồn kho	141		687.429.929	3.158.721.486
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		876.410.660	271.162.939
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	876.410.660	271.162.939
2. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		767.511.781.377	805.127.634.804
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		741.866.522.454	789.963.174.369
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	738.466.522.454	786.563.174.369
Nguyên giá	222		1.396.647.245.101	1.395.949.799.055
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(658.180.722.647)	(609.386.624.686)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	3.400.000.000	3.400.000.000
Nguyên giá	228		3.400.000.000	3.400.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		25.645.258.923	15.164.460.435
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	19.720.030.194	6.268.816.983
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	4.8	5.925.228.729	8.895.643.452
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.040.319.389.502	1.000.461.847.091

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

Địa chỉ: 650 Lê Duẩn, Phường Thắng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Mẫu số B 01 – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		486.351.968.660	410.016.411.113
I. Nợ ngắn hạn	310		199.402.879.860	191.555.438.913
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	189.271.064	7.174.396.854
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	901.709.400	565.181.315
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	18.790.273.930	20.863.333.350
4. Phải trả người lao động	314		779.799.000	1.422.638.073
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.14	4.179.080.146	426.405.861
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.15	53.211.469.125	78.288.512.925
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.16	116.651.276.190	76.838.455.730
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.700.001.005	5.976.514.805
II. Nợ dài hạn	330		286.949.088.800	218.460.972.200
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	4.12	1.803.418.800	2.705.128.200
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.16	285.145.670.000	215.755.844.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		553.967.420.842	590.445.435.978
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.17	553.967.420.842	590.445.435.978
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		422.000.000.000	422.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		422.000.000.000	422.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.026.367.939	18.026.367.939
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		113.941.052.903	150.419.068.039
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		76.479.068.039	88.973.776.921
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		37.461.984.864	61.445.291.118
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.040.319.389.502	1.000.461.847.091

Nguyễn Bình
Chủ tịch HĐQT
Gia Lai, ngày 10 tháng 03 năm 2025Vũ Thị Hậu
Kế toán trưởngNguyễn Thị Thanh Duyên
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

Địa chỉ: 650 Lê Duẩn, Phường Thắng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Mẫu số B 02 – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	247.706.529.200	286.396.916.910
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		247.706.529.200	286.396.916.910
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	111.619.639.030	113.596.511.149
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		136.086.890.170	172.800.405.761
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	4.511.687.137	1.953.414.487
7. Chi phí tài chính	22	5.4	38.447.029.696	24.582.287.819
Trong đó, chi phí lãi vay	23		32.631.559.696	20.546.557.819
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	7.128.570.361	8.187.809.444
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		95.022.977.250	141.983.722.985
11. Thu nhập khác	31	5.6	3.326.047.847	3.365.280.851
12. Chi phí khác	32	5.7	28.964.513	115.034.118
13. Lợi nhuận khác	40		3.297.083.334	3.250.246.733
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		98.320.060.584	145.233.969.718
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	10.218.075.720	7.828.678.600
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		88.101.984.864	137.405.291.118
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.17.5	2.088	3.204
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.17.5	2.088	3.204



Nguyễn Bình
Chủ tịch HĐQT
Gia Lai, ngày 10 tháng 03 năm 2025

Vũ Thị Hậu
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Duyên
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

Địa chỉ: 650 Lê Duẩn, Phường Thắng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Mẫu số B 03 – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		269.923.953.969	283.608.221.033
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(37.980.904.091)	(18.130.444.100)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(10.404.052.809)	(9.503.924.390)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(28.878.885.411)	(20.472.650.338)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(7.515.320.267)	(13.729.375.424)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		22.136.381.314	25.693.083.449
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(70.210.830.729)	(73.249.333.667)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		137.070.341.976	174.215.576.563
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(697.446.046)	(3.568.022.393)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(72.282.541.373)	(34.205.032.329)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		44.000.000.000	7.165.315.985
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.526.906.168	1.450.619.313
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(24.453.081.251)	(29.157.119.424)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	211.578.068.580	160.535.186.530
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(107.664.892.120)	(138.311.432.730)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(147.457.043.800)	(172.887.318.950)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(43.543.867.340)	(150.663.565.150)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		69.073.393.385	(5.605.108.011)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		98.549.938.087	104.155.046.098
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70		167.623.331.472	98.549.938.087



Nguyễn Bình
Chủ tịch HĐQT
Gia Lai, ngày 10 tháng 03 năm 2025

Vũ Thị Hậu
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Duyên
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900413305 ngày 15 tháng 05 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 5 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 03 tháng 07 năm 2023.

Công ty được chấp nhận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy phép niêm yết số 175/QĐ-SGDHCM ngày 26 tháng 04 năm 2016 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán S4A. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là ngày 27 tháng 05 năm 2016.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp là 422.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 650 Lê Duẩn, Phường Thắng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 49 (31/12/2023: 49).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh điện năng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất điện. Chi tiết: Sản xuất điện; Đầu tư xây dựng các dự án điện (Trừ truyền tải điện);
- Truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Phân phối và kinh doanh điện năng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng công trình điện. Chi tiết: Đầu tư xây dựng và quản lý vận hành nhà máy thủy điện - Xây dựng đường dây và trạm biến thế;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hỗ trợ, hướng dẫn vận hành, quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị nhà máy thủy điện;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa, bảo trì, thử nghiệm nhà máy thủy điện, lưới điện;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Kinh doanh vật tư, thiết bị trong lĩnh vực thủy điện;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng (tận dụng từ việc đầu tư xây dựng công trình thủy điện);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.3. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3.3. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

3.6. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Tại ngày 31/12/2023 và tại ngày 31/12/2024, số dư thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn phản ánh giá trị vật tư dự phòng sửa chữa theo yêu cầu kỹ thuật tại Nhà máy Thủy điện Sê San 4A.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Thời gian khấu hao</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	3 – 46 năm
▪ Máy móc, thiết bị	3 – 25 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5 năm

Thời gian khấu hao các TSCĐ thuộc Nhà máy thủy điện Sê San 4A áp dụng tại Công ty là 25 năm, dài hơn so với thời gian khấu hao quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Việc điều chỉnh này đã được Sở Tài chính Tỉnh Gia Lai phê duyệt tại Quyết định số 2189/STC-TCDN ngày 01/12/2014.

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại số 650 Lê Duẩn, Phường Thắng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam, thời gian sử dụng đất lâu dài.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

3.9. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

Công ty thuê đất tại Xã Ia O, Huyện Ia Grai, Tỉnh Gia Lai theo hợp đồng thuê đất số 05/HĐTD năm 2012, thời hạn thuê từ ngày 06/11/2007 đến 06/11/2057 và được miễn tiền thuê đất theo quyết định số 2018/QĐ-CTGLA ngày 15/08/2022.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Các khoản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra, thời gian phân bổ không quá 3 năm.

3.11. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.12. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.13. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Chi phí phải trả của Công ty là chi phí lãi vay dự trả. Cơ sở ước tính dựa vào gốc vay và lãi suất theo hợp đồng vay.

3.14. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố chi trả cổ tức (ngày chốt danh sách cổ đông hưởng quyền nhận cổ tức).

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cổ tức cho cổ đông theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông căn cứ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.15. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu bán điện thương phẩm được ghi nhận căn cứ vào hồ sơ xác nhận sản lượng điện năng phát vào lưới điện quốc gia và đơn giá quy định tại Hợp đồng kinh tế số 06/HĐ-NMĐ SS4A ngày 11/06/2012 ký kết với Công ty mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các phụ lục điều chỉnh.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ tỷ giá hối đoái.

3.18. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng,...).

3.19. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN:

- Dự án Nhà máy thủy điện Sê San 4A được hưởng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh (từ năm 2011 đến năm 2025);

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Dự án Nhà máy thủy điện Sê San 4A được được miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2011 đến năm 2014) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2015 đến năm 2023);

Những ưu đãi về thuế TNDN trên đây được quy định tại Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 về việc hướng dẫn thi hành nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính phủ về Luật thuế TNDN và theo giấy chứng nhận đầu tư số 39121000030 ngày 17/07/2007 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Gia Lai cấp.

Thuế giá trị gia tăng

- Áp dụng mức thuế suất 10% đối với sản phẩm điện thương phẩm. Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% đối với điện thương phẩm kể từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 theo quy định tại Nghị định 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023 của Chính phủ và từ ngày 01/07/2024 đến ngày 31/12/2024 theo quy định tại Nghị định 72/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của Chính phủ.
- Các hoạt động khác áp dụng theo mức thuế suất quy định hiện hành.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.22. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là sản xuất điện năng và một khu vực địa lý chính là Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.23. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Tổng Giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tiền mặt	792.799.543	319.145.874
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	83.830.531.929	11.230.792.213
Các khoản tương đương tiền	83.000.000.000	87.000.000.000
Cộng	167.623.331.472	98.549.938.087

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Tại ngày 31/12/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	57.487.573.702	57.487.573.702	29.205.032.329	29.205.032.329
Cộng	57.487.573.702	57.487.573.702	29.205.032.329	29.205.032.329

Giá gốc của khoản tiền gửi có kỳ hạn được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay tại thời điểm 31/12/2024 là 15.000.000.000 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Công ty mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	41.904.166.791	62.993.329.484
Cộng	41.904.166.791	62.993.329.484

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Vidana	2.189.995.300	-
Cộng	2.189.995.300	-

4.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	1.542.982.630	-	645.091.290	-
Lãi tiền gửi dự thu	495.717.641	-	510.936.672	-
Cộng	2.038.700.271	-	1.156.027.962	-

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	685.477.727	-	2.959.907.170	-
Thành phẩm	1.952.202	-	198.814.316	-
Cộng	687.429.929	-	3.158.721.486	-

Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất, không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm.

Không có giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.7. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Ngắn hạn:		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	236.960.265	6.383.030
Chi phí bảo hiểm rủi ro tài sản	249.105.635	264.779.909
Chi phí trả trước khác	390.344.760	-
Cộng	876.410.660	271.162.939
Dài hạn:		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	906.451.342	742.287.044
Chi phí sửa chữa, cải tạo nhà văn phòng, nhà máy	17.906.372.015	5.074.628.686
Chi phí trả trước khác	907.206.837	451.901.253
Cộng	19.720.030.194	6.268.816.983

4.8. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Thiết bị, phụ tùng thay thế nhà máy thủy điện	5.925.228.729	8.895.643.452
Cộng	5.925.228.729	8.895.643.452

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

Địa chỉ: 650 Lê Duẩn, Phường Thắng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2024	449.067.711.918	933.105.364.797	13.342.637.508	434.084.832	1.395.949.799.055
Mua trong năm	-	88.242.858	-	609.203.188	697.446.046
Tại ngày 31/12/2024	449.067.711.918	933.193.607.655	13.342.637.508	1.043.288.020	1.396.647.245.101
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2024	138.254.253.124	457.787.097.259	13.127.800.582	217.473.721	609.386.624.686
Khấu hao trong năm	10.908.246.197	37.573.268.576	214.836.926	97.746.262	48.794.097.961
Tại ngày 31/12/2024	149.162.499.321	495.360.365.835	13.342.637.508	315.219.983	658.180.722.647
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2024	310.813.458.794	475.318.267.538	214.836.926	216.611.111	786.563.174.369
Tại ngày 31/12/2024	299.905.212.597	437.833.241.820	-	728.068.037	738.466.522.454

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã được dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 730.067.257.559 VND.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 23.385.616.374 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất (*) VND	Cộng VND
Nguyên giá:		
Tại ngày 01/01/2024	3.400.000.000	3.400.000.000
Tại ngày 31/12/2024	3.400.000.000	3.400.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế:		
Tại ngày 01/01/2024	-	-
Khấu hao trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2024	-	-
Giá trị còn lại:		
Tại ngày 01/01/2024	3.400.000.000	3.400.000.000
Tại ngày 31/12/2024	3.400.000.000	3.400.000.000

(*) Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài (nhận vốn góp của Công ty TNHH 30 – 4 Gia Lai) tại địa chỉ 650 Lê Duẩn, Phường Thắng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Hiện nay, quyền sử dụng đất này đang được cầm cố thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Bắc Gia Lai.

Không có TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng.

4.11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH MTV Hoài An Gia Lai	72.900.000	72.900.000	-	-
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ thông tin - Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	68.166.866	68.166.866	-	-
Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Vidana	-	-	7.082.395.000	7.082.395.000
Các nhà cung cấp khác	48.204.198	48.204.198	92.001.854	92.001.854
Cộng	189.271.064	189.271.064	7.174.396.854	7.174.396.854

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12. Người mua trả tiền trước

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Net Zero Carbon	901.709.400	565.181.315
Cộng	901.709.400	565.181.315
Dài hạn		
Công ty Cổ phần Net Zero Carbon	1.803.418.800	2.705.128.200
Cộng	1.803.418.800	2.705.128.200

4.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2024 VND
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/ Khấu trừ	Phải nộp
Thuế GTGT đầu ra	2.040.189.826	20.083.415.764	21.939.379.900	3.896.153.962
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.213.460.131	10.218.075.720	7.515.320.267	7.510.704.678
Thuế thu nhập cá nhân	171.844.899	2.479.310.731	3.001.241.671	693.775.839
Thuế tài nguyên	3.459.505.634	28.904.778.238	30.354.574.099	4.909.301.495
Lệ phí môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Các khoản phí và lệ phí khác	2.905.273.440	10.254.173.400	11.202.297.336	3.853.397.376
Cộng	18.790.273.930	71.942.753.853	74.015.813.273	20.863.333.350

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Trích trước chi phí lãi vay	4.179.080.146	426.405.861
Cộng	4.179.080.146	426.405.861

4.15. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	53.211.469.125	78.288.512.925
Cộng	53.211.469.125	78.288.512.925
Trong đó, phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan - Xem thêm mục 7	33.059.990.400	49.589.985.600

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

Địa chỉ: 650 Lê Duẩn, Phường Thắng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.16. Vay và nợ thuê tài chính

	Tại ngày 31/12/2024 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	33.549.276.190	33.549.276.190	63.844.212.580	62.723.392.120	32.428.455.730	32.428.455.730
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Gia Lai (i)</i>	33.549.276.190	33.549.276.190	63.844.212.580	62.723.392.120	32.428.455.730	32.428.455.730
Vay dài hạn đến hạn trả	83.102.000.000	83.102.000.000	83.633.500.000	44.941.500.000	44.410.000.000	44.410.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - Chi nhánh Nam Gia Lai (ii)</i>	83.102.000.000	83.102.000.000	83.633.500.000	44.941.500.000	44.410.000.000	44.410.000.000
Cộng	116.651.276.190	116.651.276.190	147.477.712.580	107.664.892.120	76.838.455.730	76.838.455.730
Dài hạn						
Vay dài hạn	285.145.670.000	285.145.670.000	151.272.826.000	81.883.000.000	215.755.844.000	215.755.844.000
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - Chi nhánh Nam Gia Lai (ii)</i>	285.145.670.000	285.145.670.000	151.272.826.000	81.883.000.000	215.755.844.000	215.755.844.000
Cộng	285.145.670.000	285.145.670.000	151.272.826.000	81.883.000.000	215.755.844.000	215.755.844.000
Tổng cộng	401.796.946.190	401.796.946.190	298.750.538.580	189.547.892.120	292.594.299.730	292.594.299.730

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bắc Gia Lai theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 55/24/VCB.PKH ngày 19/06/2024. Hạn mức cấp tín dụng thường xuyên tối đa 40.000.000.000 VND. Lãi suất được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo bao gồm các sổ tiết kiệm có kỳ hạn và quyền sử dụng đất.

(ii) Vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Gia Lai:

- Theo hợp đồng tín dụng số 01/2008/HĐTD và phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/2009/PLHĐ ngày 03/03/2009, phụ lục hợp đồng tín dụng số 02/2009/PLHĐ ngày 16/04/2009, phụ lục sửa đổi số 01/2014/PL-HĐTD ngày 17/03/2014, phụ lục sửa đổi số 01/2021/1658294/PLHĐ ngày 29/06/2021 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/2023/1658294/SĐBS ngày 26/04/2023:

- ❖ Mục đích vay: Xây dựng thủy điện Sê San 4A;
- ❖ Thời hạn vay: 18 năm;
- ❖ Lãi suất vay: Lãi suất vay được xác định bằng lãi suất bán vốn nội bộ do Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam thông báo cộng thêm phí ngân hàng là 3%/năm đối với khoản vay VND và phí ngân hàng là 4%/năm đối với khoản vay USD và được điều chỉnh vào ngày 26 của tháng cuối quý.
- ❖ Thời gian trả nợ: Kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 29/12/2011 đối với khoản vay bằng VND, ngày 29/06/2012 đối với khoản vay bằng USD.
- ❖ Tài sản thế chấp: Là tài sản bao gồm Nhà cửa vật kiến trúc và máy móc thiết bị của dự án nhà máy thủy điện Sê San 4A.

- Theo hợp đồng tín dụng số 01/2023/1658294/HĐTD ngày 20/12/2023:

- ❖ Mục đích vay: Bù đắp tài chính đối với dự án Nhà máy Thủy điện Sê San 4A;
- ❖ Thời hạn vay: 72 tháng;
- ❖ Lãi suất vay: Cố định 8,5%/năm đến 30/11/2024. Từ 01/12/2024 trở đi, lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân 12 tháng trả lãi cuối kỳ cộng phí Ngân hàng 3,5%/năm và được điều chỉnh 6 tháng/lần.
- ❖ Thời gian trả nợ: Kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 20/06/2024.
- ❖ Tài sản thế chấp: Là tài sản bao gồm Nhà cửa vật kiến trúc và máy móc thiết bị của dự án nhà máy thủy điện Sê San 4A.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

Địa chỉ: 650 Lê Duẩn, Phường Thắng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.17. Vốn chủ sở hữu****4.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2023	422.000.000.000	18.026.367.939	198.693.776.921	638.720.144.860
Lãi trong năm trước	-	-	137.405.291.118	137.405.291.118
Chia cổ tức năm 2021	-	-	(25.320.000.000)	(25.320.000.000)
Chia cổ tức năm 2022	-	-	(84.400.000.000)	(84.400.000.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2023	-	-	(75.960.000.000)	(75.960.000.000)
Tại ngày 01/01/2024	422.000.000.000	18.026.367.939	150.419.068.039	590.445.435.978
Lãi trong năm nay	-	-	88.101.984.864	88.101.984.864
Chia cổ tức năm 2023 (*)	-	-	(71.740.000.000)	(71.740.000.000)
Trích quỹ KTPL năm 2023 (*)	-	-	(2.200.000.000)	(2.200.000.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2024 (**)	-	-	(50.640.000.000)	(50.640.000.000)
Tại ngày 31/12/2024	422.000.000.000	18.026.367.939	113.941.052.903	553.967.420.842

(*) Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và chia cổ tức năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ/2024/ĐHĐCĐ-S4A ngày 24/04/2024.

(**) Công ty tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2024 theo Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐQT ngày 02/12/2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

Địa chỉ: 650 Lê Duẩn, Phường Thắng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.17.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Công ty TNHH 30 - 4 Gia Lai	227.059.030.000	227.059.030.000
Công ty TNHH Vĩnh Hiệp	48.440.890.000	48.440.890.000
Vốn góp của các cổ đông khác	146.500.080.000	146.500.080.000
Cộng	422.000.000.000	422.000.000.000

4.17.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn góp tại ngày 01/01	422.000.000.000	422.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31/12	422.000.000.000	422.000.000.000

4.17.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	42.200.000	42.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng:	42.200.000	42.200.000
Bao gồm: <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	42.200.000	42.200.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Bao gồm: <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	42.200.000	42.200.000
Bao gồm: <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	42.200.000	42.200.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.17.5. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	88.101.984.864	137.405.291.118
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	2.200.000.000
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	88.101.984.864	135.205.291.118
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	42.200.000	42.200.000
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.088	3.204

Số liệu trích Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2023 được trình bày lại dựa trên Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 về việc phân phối lợi nhuận năm 2023. Theo đó, lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2023 được trình bày lại là 3.204 VND/cổ phiếu (Số đã trình bày ở báo cáo năm trước là 3.256 VND/cổ phiếu).

Năm 2024, Đại hội cổ đông của Công ty chưa có kế hoạch trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi. Theo đó, lợi nhuận sau thuế TNDN để tính lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2024 là toàn bộ lãi sau thuế của cổ đông Công ty.

4.17.6. Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ/2024/ĐHĐCĐ-S4A ngày 24/04/2024, Đại hội đồng cổ đông đã quyết định chia cổ tức năm 2023 bằng tiền với tỷ lệ 35% trên vốn điều lệ (tương ứng 147.700.000.000 VND).

Ngày 07/12/2023, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 09(b)/2023/NQ-HĐQT về việc tạm ứng cổ tức đợt 1 của năm 2023 bằng tiền với tỷ lệ 18% (tương ứng 75.960.000.000 VND). Theo đó, ngày đăng ký cuối cùng là 26/12/2023 và thực hiện chi trả từ ngày 08/01/2024.

Ngày 08/01/2024, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐQT về việc tạm ứng cổ tức đợt 2 của năm 2023 bằng tiền với tỷ lệ 12% (tương ứng 50.640.000.000 VND). Theo đó, ngày đăng ký cuối cùng là 19/01/2024 và thực hiện chi trả từ ngày 31/01/2024.

Ngày 25/04/2024, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐQT quyết định chi trả cổ tức đợt 3 của năm 2023 bằng tiền với tỷ lệ 5% (tương ứng 21.100.000.000 VND). Theo đó, ngày đăng ký cuối cùng là 17/05/2024 và thực hiện chi trả từ ngày 30/05/2024.

Ngày 02/12/2024, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐQT về việc tạm ứng cổ tức đợt 1 của năm 2024 bằng tiền với tỷ lệ 12% (tương ứng 50.640.000.000 VND). Theo đó, ngày đăng ký cuối cùng là 20/12/2024 và thực hiện chi trả từ ngày 08/01/2025.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.17.7. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2024	18.026.367.939
Trích trong năm	-
Chi trong năm	-
Tại ngày 31/12/2024	18.026.367.939

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	247.706.529.200	286.396.916.910
Cộng	247.706.529.200	286.396.916.910

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn bán điện thương phẩm	111.619.639.030	113.596.511.149
Cộng	111.619.639.030	113.596.511.149

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi	4.511.687.137	1.921.310.487
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	-	32.104.000
Cộng	4.511.687.137	1.953.414.487

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.4. Chi phí tài chính**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí lãi vay	32.631.559.696	20.546.557.819
Lỗi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	1.057.500.000	287.480.000
Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối năm	4.757.970.000	3.748.250.000
Cộng	38.447.029.696	24.582.287.819

5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.165.144.407	4.123.601.678
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ	291.202.145	286.666.084
Chi phí khấu hao tài sản cố định	298.602.031	1.019.498.321
Chi phí bằng tiền khác	2.373.621.778	2.758.043.361
Cộng	7.128.570.361	8.187.809.444

5.6. Thu nhập khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập từ bán chứng chỉ năng lượng tái tạo (REC)	3.326.047.847	3.365.280.851
Cộng	3.326.047.847	3.365.280.851

5.7. Chi phí khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền truy thu, phạt chậm nộp thuế	28.964.513	115.034.118
Cộng	28.964.513	115.034.118

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.107.865.873	4.780.607.605
Chi phí nhân công	11.514.786.414	11.286.280.756
Chi phí khấu hao tài sản cố định	48.794.097.961	49.377.655.161
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.473.734.361	4.969.969.535
Chi phí khác bằng tiền	47.660.862.668	51.450.847.943
Cộng	118.551.347.277	121.865.361.000

5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	98.320.060.584	145.233.969.718
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	529.588.773	1.221.262.543
- Chi phí không hợp lệ	529.588.773	1.221.262.543
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	98.849.649.357	146.455.232.261
- Thu nhập từ hoạt động được hưởng ưu đãi	95.523.601.510	143.089.951.410
- Thu nhập từ hoạt động không được hưởng ưu đãi	3.326.047.847	3.365.280.851
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Thuế suất hoạt động được hưởng ưu đãi	10%	10%
- Thuế suất hoạt động không được hưởng ưu đãi	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	10.217.569.720	14.982.051.311
- Thuế TNDN từ hoạt động được hưởng ưu đãi	9.552.360.151	14.308.995.141
- Thuế TNDN từ hoạt động không được hưởng ưu đãi	665.209.569	673.056.170
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	(7.154.497.570)
- Thuế TNDN từ hoạt động được hưởng ưu đãi	-	(7.154.497.570)
- Thuế TNDN từ hoạt động không được hưởng ưu đãi	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	10.218.075.720	7.828.678.600
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm nay	10.217.569.720	7.827.553.741
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	506.000	1.124.859

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	211.578.068.580	160.535.186.530
Cộng	211.578.068.580	160.535.186.530

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	107.664.892.120	138.311.432.730
Cộng	107.664.892.120	138.311.432.730

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

- Công ty TNHH 30 - 4 Gia Lai
- Công ty TNHH Vĩnh Hiệp
- Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

Công ty mẹ
Cổ đông lớn sở hữu trên 10% CP
Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải trả với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phải trả ngắn hạn khác - Cổ tức phải trả		
Công ty TNHH 30 - 4 Gia Lai	27.247.083.600	40.870.625.400
Công ty TNHH Vĩnh Hiệp	5.812.906.800	8.719.360.200
Cộng - Xem thêm mục 4.15	33.059.990.400	49.589.985.600

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Cổ tức đã chi trả		
Công ty TNHH 30 - 4 Gia Lai	79.470.660.500	93.094.202.300
Công ty TNHH Vĩnh Hiệp	16.954.311.500	19.860.764.900
Cộng	96.424.972.000	112.954.967.200

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SẾ SAN 4A

Địa chỉ: 650 Lê Duẩn, Phường Thắng Lợi, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các giao dịch khác:

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 03a/2023/NQ-HĐQT ngày 03/04/2023, Hội đồng quản trị của Công ty đã đồng ý ủy quyền cho Ông Nguyễn Bình, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị đứng tên trên hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với Ngân hàng TMCP Ngoại thương – Chi nhánh Gia Lai – Phòng giao dịch Diên Hồng. Số dư khoản mục “Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn” tại thời điểm 31/12/2024 do Ông Nguyễn Bình đứng tên là 2.287.573.702 VND.

Thù lao, tiền lương của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Nguyễn Bình	Chủ tịch HĐQT	1.244.000.000	1.118.666.667
Ông Phạm Văn Minh	Thành viên HĐQT	108.000.000	108.000.000
Ông Phan Văn Lâm	Thành viên HĐQT	96.000.000	96.000.000
Ông Thái Như Hiệp	Thành viên HĐQT	96.000.000	96.000.000
Ông Nguyễn An	Thành viên HĐQT	96.000.000	96.000.000
Ông Nguyễn Kiếm	Thành viên HĐQT	96.000.000	96.000.000
Ông Hà Trọng Hợi	Trưởng ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 24/04/2024)	65.538.462	-
Ông Lê Văn Thuyết	Trưởng ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 31/03/2024)	24.000.000	96.000.000
Ông Đỗ Tiên	Thành viên BKS	60.000.000	60.000.000
Bà Trần Thị Đài	Thành viên BKS	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn An	Tổng Giám đốc / TV HĐQT	871.166.000	698.333.333
Ông Trần Đức Hiền	Phó Tổng Giám đốc	473.600.000	420.000.000

Tiền thưởng và các khoản thu nhập khác của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Nguyễn Bình	Chủ tịch HĐQT	204.000.000	60.700.000
Ông Phạm Văn Minh	Thành viên HĐQT	577.000.000	58.000.000
Ông Phan Văn Lâm	Thành viên HĐQT	575.000.000	37.000.000
Ông Thái Như Hiệp	Thành viên HĐQT	115.000.000	37.000.000
Ông Nguyễn Kiếm	Thành viên HĐQT	115.000.000	37.000.000
Ông Hà Trọng Hợi	Trưởng ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 24/04/2024)	5.500.000	-
Ông Lê Văn Thuyết	Trưởng ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 31/03/2024)	16.000.000	23.500.000
Ông Đỗ Tiên	Thành viên BKS	15.500.000	15.500.000
Bà Trần Thị Đài	Thành viên BKS	17.500.000	15.500.000
Ông Nguyễn An	Tổng Giám đốc / TV HĐQT	154.000.000	39.700.000
Ông Trần Đức Hiền	Phó Tổng Giám đốc	53.000.000	62.204.615

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

8. TÀI SẢN TIỀM TÀNG

Căn cứ theo Hợp đồng mua bán điện số 06/2012-HĐ-NMĐSS4A ngày 11/06/2012 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 07 ngày 25/08/2022 quy định phương pháp xác định giá phát điện, hợp đồng mua bán điện, hàng năm, căn cứ tổng vốn vay ngoại tệ, kế hoạch trả nợ vốn vay ngoại tệ, số liệu trả nợ gốc vay thực tế, tỷ giá quy đổi đã được hai bên thỏa thuận trong phương án giá điện, tỷ giá quy đổi thực hiện năm liền kề trước, Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A và Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam thực hiện tính toán chênh lệch tỷ giá và đề xuất phương án gửi Cục Điều tiết điện lực kiểm tra, trình Bộ Công thương xem xét quyết định phương án thanh toán.

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đang trong quá trình làm việc với Tập đoàn Điện lực Việt Nam để xác định số tiền Công ty sẽ được hoàn trả cho các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh mà chưa được Tập đoàn Điện lực Việt Nam thanh toán (từ năm 2019 đến nay). Do đó, Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng, tại ngày 31/12/2024, Công ty chưa có đủ cơ sở để ghi nhận các khoản phải thu này vào báo cáo tài chính của Công ty.

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Nguyễn Bình
Chủ tịch HĐQT

Gia Lai, ngày 10 tháng 03 năm 2025

Vũ Thị Hậu
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Duyên
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A
BAN KIỂM SOÁT**

**Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Pleiku, ngày 16 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO

**Về hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024
và kế hoạch hoạt động năm 2025**

- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Sê san 4A.
- Căn cứ vào tình hình hoạt động và Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam và các tài liệu chứng từ liên quan.
- Căn cứ Biên bản kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động và Báo cáo tài chính năm 2024 của Ban kiểm soát Công ty lập ngày 12/03/2025

Ban kiểm soát Công ty cổ phần thủy điện Sê san 4A báo cáo kết quả hoạt động kiểm soát năm 2024 và Kế hoạch năm 2025 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2024:

1. Về tổ chức bộ máy:

Các thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025 như sau:

- Ông Hà Trọng Hợp Trưởng Ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 24/04/2024)
- Ông Lê Văn Thuyết Trưởng Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 31/03/2024)
- Ông Đỗ Tiên Thành viên BKS
- Bà Trần Thị Đài Thành viên BKS

2. Về hoạt động của Ban Kiểm Soát:

Trong năm 2024, Ban kiểm soát đã duy trì hoạt động thường xuyên, tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ của HĐQT. Qua đó nắm bắt được tình hình SXKD thực tế, tham gia đóng góp ý kiến trong việc thực hiện mục tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Ngoài ra, BKS cùng với các Phòng chức năng đã thực hiện công tác kiểm tra, giám sát góp phần vào hoạt động quản lý rủi ro và nâng cao chất lượng quản trị của công ty, hoạt động chủ yếu gồm:

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên. Giám sát việc chấp hành Pháp luật của Nhà nước, Điều lệ công ty, giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.
- Giám sát việc chấp hành thực hiện các quy chế, quy trình của công ty .
- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD và tình hình tài chính năm 2024.
- Thẩm tra các báo cáo tài chính định kỳ và trao đổi với kiểm toán viên về một số vấn đề liên quan đến kiểm toán báo cáo tài chính.
- Các hoạt động khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của công ty.

3. Tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên BKS

- Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2024 tuân thủ chặt chẽ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

- Các thành viên Ban kiểm soát đã hoàn thành nhiệm vụ năm 2024.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và sự phối hợp của các phòng ban nghiệp vụ, đơn vị trực thuộc trong Công ty để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.

4. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát

Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ, quy chế công ty. Tổng chi phí thù lao, thưởng và các khoản thu nhập khác của Ban kiểm soát đã bao gồm thuế TNCN trong năm 2024 là 264 triệu đồng

5. Các cuộc họp của Ban kiểm soát

Năm 2024, Ban kiểm soát đã tổ chức 3 phiên họp tại trụ sở Công ty theo kế hoạch, với sự tham gia đầy đủ của các TV BKS và đã thống nhất thông qua các nội dung sau:

STT	Văn bản	Ngày	Nội dung
1	01/2024/BB-BKS	16/03/2024	- Thông qua kết quả thẩm định BCTC năm 2023 - Giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, các NQ, quyết định của HĐQT và việc điều hành của Ban TGD Công ty năm 2023
2	02/2024/BB-BKS	25/04/2024	- Bầu trưởng ban kiểm soát. - Triển khai kế hoạch hoạt động của BKS
3	03/2024/BB-BKS	26/07/2024	- Thông qua kết quả Thẩm định BCTC 6 tháng đầu năm 2024 - Giám sát quá trình thực hiện NQ ĐHĐCĐ, các NQ, Qđịnh của HĐQT và việc điều hành của Ban TGD Công ty trong 6 tháng đầu năm 2024

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA, GIÁM SÁT:

1. Thực hiện kiểm tra, giám sát Báo cáo tài chính năm 2024:

1.1 Tình hình tài chính:

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2024 đã soát xét/ kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam, tình hình tài chính của Công ty CP Thủy điện Sê San 4A thể hiện qua các chỉ số chính như sau:

- Tại thời điểm 31/12/2024, Tổng tài sản của Công ty là 1.040,32 tỷ đồng, tăng 39,86 tỷ đồng (tương ứng tăng 3,98%) so với cuối năm trước chủ yếu tăng do đầu tư tài chính ngắn hạn và Tài sản dài hạn khác.

- Các khoản phải thu ngắn hạn đến 31/12/2024 là 46,13 tỷ đồng, giảm so với đầu năm 18,02 tỷ đồng (tương ứng giảm 28,09%). Các khoản nợ xấu không có.

- Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2024 của Công ty là 553,97 tỷ đồng, giảm tương đương 36,47 tỷ đồng so với thời điểm đầu năm, giảm do chi trả cổ tức năm 2023 cho cổ đông.

1.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 :

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch	Thực hiện	Chỉ tiêu thực hiện (%)
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Tỷ đồng	294,105	255,50	86,88
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	173,173	157,224	90,79
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	120,932	98,320	81,30
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	12,093	10,218	84,50
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	108,839	88,102	80,95
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	%/1CP	25,79	20,88	80,95

(Số liệu chi tiết mời quý vị xem Báo cáo tài chính năm 2024 đã công bố trên trang Web)

2. Tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị năm 2024 :

2.1 Đối với HĐQT: HĐQT Công ty đã nghiêm túc triển khai thực hiện các nội dung đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 phê duyệt, tuân thủ đúng quy định của pháp luật cũng như Điều lệ công ty. Các cuộc họp và hoạt động của HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ công ty và pháp luật hiện hành có sự thống nhất cao của các thành viên. Trong năm 2024, HĐQT đã tổ chức 04 phiên họp thường kỳ để ban hành các nghị quyết, quyết định, biên bản họp HĐQT cùng nhiều văn bản khác. Các nghị quyết của HĐQT ban hành đảm bảo kịp thời đưa ra các chủ trương chỉ đạo hoạt động của Công ty nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Tuy nhiên, do lượng mưa năm 2024 giảm so với năm 2023, nên việc vận hành phát điện không được thuận lợi, sản lượng điện thương phẩm sản xuất không đạt kế hoạch, dẫn đến các chỉ tiêu Doanh thu, lợi nhuận cũng không đạt kế hoạch đề ra.

2.2. Đối với Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện đầy đủ và kịp thời các nghị quyết, quyết định của HĐQT nhằm thực hiện tốt mục tiêu kế hoạch SXKD của công ty đã đề ra, tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của công ty. Đồng thời, Ban Tổng Giám đốc cũng luôn chủ động, linh hoạt thực hiện các biện pháp hữu hiệu, kịp thời trong công tác chỉ đạo điều hành nhằm hạn chế tối đa các ảnh hưởng tiêu cực khách quan đến hoạt động SXKD của công ty trong năm 2024.

2.3. Đối với các cổ đông: Trong năm 2024, Ban kiểm soát không nhận được kiến nghị hoặc yêu cầu kiểm tra nào của cổ đông đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý trong công ty.

3. Đánh giá về giao dịch giữa Công ty với Công ty mẹ:

Trong năm 2024, không có giao dịch giữa Công ty và Công ty mẹ cũng như giữa Công ty với các thành viên quản lý Công ty.

III. KIẾN NGHỊ :

Để triển khai thực hiện có hiệu quả nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2025, Ban kiểm soát có đề xuất một số kiến nghị sau:

- Công ty tiếp tục có các biện pháp quản lý hợp lý, hiệu quả các hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm tiết kiệm chi phí, tăng hiệu quả hoạt động;
- Hoàn thiện các hạ tầng cần thiết để tham gia thị trường điện cạnh tranh có hiệu quả;
- HĐQT Công ty quan tâm chỉ đạo thực hiện đúng các quy định về quản trị Công ty ;
- Trong năm 2025, một số quy định của pháp luật mới được ban hành đã bắt đầu có hiệu lực, đề nghị HĐQT và Ban TGD triển khai rà soát các quy trình, quy chế nội bộ để sửa đổi, bổ sung đồng bộ, tạo thuận lợi cho việc áp dụng thống nhất trong công ty.

IV. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

- Thực hiện chức năng giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐH ĐCD, các Nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Đề xuất kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025;
- Thẩm định báo cáo quyết toán tài chính định kỳ năm 2025 của Công ty;
- Tham gia các buổi họp của Hội đồng quản trị của Công ty;
- Thực hiện kiểm tra, giám sát việc tuân thủ thực thi các qui chế, qui định của Công ty và các qui định pháp luật liên quan;

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình thực hiện công tác kiểm soát năm 2024, Kế hoạch 2025 kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng !

Nơi gửi:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Tổng giám đốc;
- Lưu Ban kiểm soát.

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng Ban



Hà Trọng Hợp



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

THẺ BIỂU QUYẾT

SỐ ĐKSH/CMND/CCCD:

HỌ VÀ TÊN NGƯỜI BIỂU QUYẾT:

SỐ CP SỞ HỮU/ ỦY QUYỀN:

SỐ CP BIỂU QUYẾT:

A large, empty rectangular box with a black border, intended for a signature or official stamp.